

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2013;

Căn cứ vào Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 về phê duyệt chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25/7/2012 về ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào Quyết định số 5047/QĐ- BCT ngày 30/8/2012 của Bộ Công Thương Ban hành kế hoạch của ngành công thương triển khai Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 4030/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình phát triển xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3496/TTr-SCT ngày 25/11/2013 về việc phê duyệt Đề án “Chương trình phát triển xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XUẤT KHẨU ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm phát triển xuất khẩu

- Phát triển xuất khẩu phải gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Phát triển xuất khẩu phải phát huy nguồn hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong tỉnh, hướng đến các sản phẩm chủ lực, có khả năng cạnh tranh, có lợi thế so sánh, sử dụng công nghệ cao, chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển

vùng nguyên liệu; kết hợp khai thác hiệu quả nguồn hàng hóa tỉnh ngoài sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển xuất khẩu nhanh, bền vững.

- Phát triển xuất khẩu phải tranh thủ thời cơ, vận hội mới trong quan hệ đối ngoại của tỉnh, sự hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước để mở rộng thị trường xuất khẩu, giữ vững thị trường truyền thống, hướng đến thị trường yêu cầu cao về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

- Phát triển xuất khẩu phải gắn với tăng cường chức năng quản lý nhà nước về thương mại trên địa bàn tỉnh, không ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa – xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển xuất khẩu với tốc độ cao và bền vững nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; phấn đấu đến năm 2020, Thanh Hóa nằm trong số 15 tỉnh thành xuất khẩu lớn nhất cả nước; giai đoạn 2020 - 2030 có ít nhất 1 mặt hàng thuộc danh sách các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2015: Giá trị xuất khẩu đạt 1,095 tỷ USD, bằng 128,8% mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ XVII. Trong đó xuất khẩu hàng hoá đạt 993 triệu USD, dịch vụ thu ngoại tệ đạt 102 triệu USD.

- Đến năm 2020: Giá trị xuất khẩu đạt 1,9 tỷ USD; trong đó xuất khẩu hàng hoá đạt 1,71 tỷ USD, dịch vụ thu ngoại tệ đạt 190 triệu USD; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,1 %/năm.

- Định hướng đến năm 2030: Giá trị xuất khẩu đạt 6,5 tỷ USD trở lên; trong đó xuất khẩu hàng hoá đạt 5,82 tỷ USD, dịch vụ thu ngoại tệ đạt 680 triệu USD; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 13,09%/năm.

- Xuất khẩu bình quân đầu người: Đến năm 2020, đạt 463,4 USD/người, định hướng đến năm 2030 đạt 1.500 USD/người trở lên.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu đến năm 2020: Hàng nông, lâm, thủy sản đạt 221 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,6%; hàng công nghiệp – TTCN đạt 1,35 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 71,1 %; khoáng sản VLXD đạt 140 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,4%; xuất khẩu dịch vụ đạt 190 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10%.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Định hướng mặt hàng xuất khẩu chủ yếu

1.1. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu

Trong những năm qua, nhóm mặt hàng nông, lâm, thủy sản có vị trí quan trọng trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của tỉnh. Trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản để thúc đẩy phát triển sản

xuất nông nghiệp, tập trung phát triển xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản chế biến sâu thay cho xuất khẩu nguyên liệu sơ chế để nâng giá trị gia tăng.

Mục tiêu xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đến năm 2020 đạt 221 triệu USD, chiếm 11,6%; đến năm 2030 đạt 515 triệu USD, chiếm 7,9% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Tăng trưởng xuất khẩu các nhóm hàng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2013 - 2020 đạt 10,1%/năm, giai đoạn 2020 - 2030 đạt 8,8%/năm.

Các mặt hàng chủ yếu như sau:

a) Rau quả chế biến: Gồm các mặt hàng: Dưa chuột muối, ớt muối, hoa quả đóng hộp, rau an toàn... Mục tiêu xuất khẩu đến năm 2020 đạt 10 triệu USD, đến năm 2030 đạt 30 triệu USD; có thêm mặt hàng mới là rau an toàn (RAT), đã được quy hoạch với quy mô đến năm 2015, toàn tỉnh có 2.142 ha sản xuất RAT (vùng tập trung 1.781 ha); đến năm 2020 có 3.781 ha sản xuất RAT (vùng tập trung 3.066 ha); giá trị xuất khẩu RAT đến năm 2015 đạt trên 3,5 triệu USD, đến năm 2020 đạt trên 7 triệu USD.

b) Cói nguyên liệu: Diện tích cói quy hoạch đến năm 2015 đạt 2.390,5 ha và ổn định đến năm 2020. Tổng sản lượng cói nguyên liệu đến năm 2015 đạt 40.702 tấn, đến năm 2020 đạt 52.611 tấn. Thị hiếu tiêu dùng hàng hóa thân thiện với môi trường ngày càng gia tăng, nhu cầu cói nguyên liệu làm chiếu tiêu thụ nội địa và hàng thủ công xuất khẩu ngày càng tăng. Do đó, định hướng mục tiêu đến năm 2020, ổn định kim ngạch xuất khẩu cói nguyên liệu 5 - 6 triệu USD/năm.

c) Súc sản: Tổng đàn lợn đến năm 2015 dự kiến đạt khoảng 1,1 triệu con, trong đó lợn thịt 778,9 nghìn con; đến năm 2020 khoảng 1,2 triệu con, trong đó lợn thịt 849,7 triệu con. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2015 đạt 181,7 nghìn tấn, năm 2020 đạt trên 226,7 nghìn tấn. Cân đối nhu cầu tiêu dùng nội tỉnh và khách du lịch theo định mức của Ủy ban An ninh Lương thực và Dinh dưỡng Quốc gia, năm 2015 dư 7 nghìn tấn, năm 2020 dư 80 nghìn tấn. Ngoài tiêu thụ tại các tỉnh khác, sản lượng súc sản hơi giành cho chế biến xuất khẩu, đến năm 2020 xuất khẩu súc sản đạt 10.000 -15.000 tấn, kim ngạch 15 triệu USD, đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu súc sản đạt 35 triệu USD.

d) Mủ cao su khô: Dự kiến đến năm 2015 diện tích cao su toàn tỉnh 22 nghìn ha, khai thác khoảng 11 nghìn ha, năng suất trung bình đạt 1,45 tấn mủ khô/ha, sản lượng đạt 16 nghìn tấn; đến năm 2020, diện tích cao su ổn định 25 nghìn ha, diện tích khai thác khoảng 22,5 nghìn ha, năng suất trung bình đạt 1,5 tấn mủ khô/ha, sản lượng đạt trên 32,2 nghìn tấn.

Cần tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng các nhà máy chế biến mủ cao su ở Cẩm Thủy (đưa công suất lên 7.000 tấn/năm), Nhà máy ở Như Xuân (công suất 9.000 tấn/năm) để đến năm 2020 xuất khẩu cao su đạt 4.000- 5.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 15 triệu USD, đến năm 2030 đạt 25.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 80 triệu USD.

e) Gỗ ván sàn, luồng ván sàn: Tập trung đầu tư chế biến sâu thay cho xuất khẩu dăm gỗ như hiện nay, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng rừng của tỉnh.

- Diện tích rừng luồng thâm canh tập trung đến năm 2015 có quy mô 29.982 ha; trữ lượng luồng 205 triệu cây, sản lượng 62 triệu cây; đến năm 2020, diện tích ổn định; trữ lượng luồng đạt 459 triệu cây; sản lượng đạt 138 triệu cây.

- Tổng lượng gỗ khai thác giai đoạn 2011-2020 bình quân 645.562 m³/năm; nhựa thông 400 tấn/năm; song mây 116 tấn/năm; tre nứa 14.425.000 cây/năm. Chế biến lâm sản: Đồ mộc dân dụng, mỹ nghệ 200.000 tấn/năm, ván nhân tạo 300.000 tấn/năm; ván luồng ép 400.000 tấn/năm.

Mục tiêu xuất khẩu gỗ ván sàn, luồng ván sàn đến năm 2020 đạt 25.000 m³, kim ngạch xuất khẩu đạt 40 triệu USD; đến năm 2030 xuất khẩu 60.000 m³ kim ngạch xuất khẩu đạt 100 triệu USD.

g) Dăm gỗ: Dăm gỗ nguyên liệu được định hướng giảm dần xuất khẩu, giành nguyên liệu cho chế biến lâm sản. Kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ giảm từ 30 triệu USD năm 2013, xuống còn 10 triệu USD vào năm 2020 và chấm dứt xuất khẩu dăm gỗ sau năm 2020.

h) Tinh bột sắn: Diện tích sản nguyên liệu chế biến đến năm 2015 dự kiến đạt 11.000 ha, sản lượng đạt 165.000 tấn; đến năm 2020 diện tích giảm còn 9.800 tấn, sản lượng đạt 198.300 tấn. Năm 2014, đưa nhà máy sắn Phúc Thịnh - Ngọc Lặc vào hoạt động; công suất 250 tấn tinh bột sắn/ngày. Sản lượng tinh bột sắn cả 3 nhà máy ước đạt 60.000 - 62.000 tấn/năm.

Mục tiêu xuất khẩu tinh bột sắn đến năm 2020 đạt 32.000- 35.000 tấn tinh bột, kim ngạch xuất khẩu đạt 11 triệu USD; đến năm 2030 đạt 43.000 - 45.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 15 triệu USD.

i) Hải sản chế biến: Dự báo tổng sản lượng khai thác thủy sản đến năm 2020 đạt 170 nghìn tấn là nguồn nguyên liệu dồi dào đáp ứng cho 17-18 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu.

Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu thủy sản chế biến đến năm 2020 đạt 79 triệu USD, trong đó: tôm xuất khẩu đạt 4 triệu USD; chả cá surimi đạt 18 triệu USD; bột cá đạt 12 triệu USD; hải sản đông lạnh và sản phẩm hải sản chế biến khác đạt 45 triệu USD. Định hướng đến năm 2030, hải sản chế biến xuất khẩu đạt 145 triệu USD.

k) Sữa và các sản phẩm từ sữa: Đây là mặt hàng xuất khẩu mới, nhưng được dự báo có kim ngạch tăng nhanh. Định hướng phát triển chăn nuôi bò sữa của tỉnh đến năm 2015 có khoảng 10 nghìn con và 30 nghìn con vào năm 2020. Tổng sản lượng sữa năm 2015 đạt 42 nghìn tấn và đến năm 2020 đạt 135 nghìn tấn. Cân đối nhu cầu tiêu dùng nội tỉnh và khách du lịch theo định mức Ủy ban An ninh Lương thực và Dinh dưỡng Quốc gia, năm 2015 dư 90 nghìn tấn, năm 2020 dư 115 nghìn tấn sữa tươi.

Mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm sữa đến năm 2020 đạt 30 triệu USD, đến năm 2030 đạt 80 triệu USD, chủ yếu là mặt hàng sữa bột, bột dinh dưỡng, sữa đặc, sữa tươi, sữa chua...

1.2. Nhóm hàng công nghiệp - TTCN

Nhóm hàng công nghiệp - TTCN được dự báo là nhóm hàng chủ lực cho tăng trưởng xuất khẩu của tỉnh. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh xác định: Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP đến năm 2020 là 51,9%. Giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, bên cạnh gia tăng về qui mô và công nghệ các mặt hàng công nghiệp, TTCN hiện có, xuất khẩu nhóm ngành hàng này sẽ tăng trưởng đột phá nhờ vào các sản phẩm nhựa và hóa chất của Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, các sản phẩm điện tử, tin học từ khu công nghiệp công nghệ cao Lam Sơn- Sao Vàng,...

Mục tiêu xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp - TTCN đến năm 2020 đạt 1,350 tỷ USD, chiếm 71,1%; đến năm 2030 đạt 5,05 triệu USD chiếm 77,7% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Tăng trưởng xuất khẩu các nhóm hàng công nghiệp - TTCN giai đoạn 2013 - 2020 đạt 11,4%/năm, giai đoạn 2020 - 2030 đạt 14,11%/năm.

Các mặt hàng chủ yếu như sau:

a) Hàng dệt may: Dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong thời gian tới do có sự dịch chuyển ngành may mặc từ Trung Quốc về các nước có giá nhân công rẻ hơn (trong đó có Việt Nam) và sự dịch chuyển các nhà máy may mặc từ thành phố Hà Nội, Hải Phòng về các tỉnh lân cận có lợi thế về lao động, đất đai. Bên cạnh đó, năm 2014, dự kiến Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TTP và Hiệp định FTA Việt nam – EU được ký kết, phần lớn thuế nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam vào các thị trường FTA cơ bản về 0%, sẽ tạo làn sóng đầu tư mới cho ngành dệt may xuất khẩu. Một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh như: Công ty Sakurai, Công ty Ivory, Tổng Công ty may 10, Tổng công ty Delta... đang mở rộng đầu tư nâng cao năng lực sản xuất để đón thời cơ này.

Quy hoạch phát triển dệt may tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 xác định tăng trưởng công nghiệp dệt, may giai đoạn 2011-2015 là 27%; giai đoạn 2016 - 2020 trên 10%. Xuất khẩu hàng dệt may đến năm 2015 đạt trên 300 triệu USD, đến năm 2020 đạt trên 500 triệu USD.

b) Ba lô túi xách: Công ty Vaude đã ổn định sản xuất, hàng năm xuất khẩu 11 triệu USD. Đến năm 2020, mục tiêu xuất khẩu ba lô, túi xách đạt 14 triệu USD; năm 2030 đạt 20 triệu USD. Do công suất nhà máy đã ổn định, tăng trưởng chủ yếu do tăng năng suất lao động và yếu tố giá.

c) Dụng cụ thể thao (bóng đá, lưới câu lông, bóng chuyền...): Đây là mặt hàng có thị trường tăng trưởng ổn định trong nhiều năm, nhu cầu thị trường lớn, dụng cụ thể thao Delta đã có thương hiệu tốt trên thị trường thế giới; cần tiếp tục mở rộng sản xuất mặt hàng này đến các cụm công nghiệp - làng nghề trong tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2020 xuất khẩu đạt 4,6 triệu sản phẩm dụng cụ thể thao; kim ngạch xuất khẩu đạt 15 triệu USD; đến năm 2030 đạt 25 triệu USD.

d) Giày thể thao xuất khẩu: Tập đoàn Hồng Phúc (Đài Loan) đã hoàn thành đầu tư, đưa vào sản xuất ổn định 5 nhà máy giày trên địa bàn tỉnh, đang có

kế hoạch đầu tư các nhà máy giấy lớn, quy mô gấp 1,5 lần Công ty ARESA Nghi Sơn tại các huyện Yên Định, Thọ Xuân,... Với lợi thế Tập đoàn đa quốc gia, sản xuất mặt hàng có thương hiệu toàn cầu như: ADIDAS, NIKE..., có tiềm lực tài chính mạnh, Tập đoàn Hồng Phúc cam kết đưa Thanh Hóa trở thành trung tâm sản xuất giấy lớn nhất Miền Bắc là có cơ sở thành hiện thực.

Xuất khẩu giấy thể thao dự kiến đạt 55 - 60 triệu đôi, kim ngạch xuất khẩu đạt 400 triệu USD năm 2020 và đạt trên 100 triệu đôi, kim ngạch xuất khẩu đạt 900 triệu USD năm 2030.

e) Ô tô tải: Năng lực lắp ráp 2 nhà máy ô tô tải là 53.000 xe/năm; hiện nay đạt trên 2.000 xe/năm. Năm 2012, Nhà máy ô tô WEAM đã xuất khẩu ô tô sang thị trường Lào. Đây là mặt hàng cần được đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu sang các nước ASEAN và Châu Phi để ô tô tải trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

Mục tiêu xuất khẩu ô tô đến năm 2020 đạt trên 2.000 xe, kim ngạch xuất khẩu đạt 40 triệu USD; đến năm 2030 đạt trên 5.000 xe, kim ngạch xuất khẩu đạt 100 triệu USD.

g) Thuốc lá bao: Nâng cấp thiết bị nhà máy thuốc lá, đến năm 2015 thiết bị hiện đại chiếm 40%; năm 2020 chiếm 55% năng lực sản xuất. Ổn định sản lượng hàng sản xuất hàng năm đạt 110 - 120 triệu bao.

Mục tiêu xuất khẩu thuốc lá đến năm 2020 đạt 3,2 triệu bao, kim ngạch xuất khẩu đạt 5 triệu USD; đến năm 2030 đạt 4,2 triệu bao, kim ngạch xuất khẩu đạt 7 triệu USD.

h) Men vi sinh: Mục tiêu sản xuất đến năm 2020 đạt 4.400 tấn men vi sinh, kim ngạch xuất khẩu đạt 5 triệu USD, đến năm 2030 đạt 10 triệu USD.

i) Sản phẩm điện tử công nghệ cao, phần mềm tin học: Đây là những mặt hàng mới, phát triển dựa trên ưu thế vận tải hàng không sân bay Thọ Xuân và nguồn nhân lực trình độ cao của tỉnh. Tuy nhiên, để có sản phẩm điện tử công nghệ cao và phần mềm tin học xuất khẩu, cần có thời gian nhất định để đầu tư các dự án. Do đó, mặt hàng này dự báo bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu từ năm 2017 và sẽ là mũi nhọn tăng trưởng đột phá trong giai đoạn 2020-2030.

Mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm điện tử công nghệ cao và phần mềm tin học đến năm 2020 đạt 120 triệu USD; đến năm 2030 trở thành ngành hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn nhất của tỉnh đạt 2,5 tỷ USD.

k) Nhựa PP và các sản phẩm hóa chất sau lọc dầu: Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn dự kiến có sản phẩm thương mại vào năm 2018, ngoài xăng, dầu, còn có các sản phẩm khác như: Paraxylene: 670 nghìn tấn/năm; Benzene: 238 nghìn tấn/năm; Polypropylene: 366 nghìn tấn/năm; Lưu huỳnh rắn: 244 nghìn tấn/năm. Đây cũng là những mặt hàng xuất khẩu mới, tạo tăng trưởng vững chắc cho xuất khẩu của tỉnh.

Mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm nhựa PP và hóa chất sau lọc dầu từ năm 2018, đến năm 2020 đạt 250 triệu USD, năm 2030 đạt 600 triệu USD.

l) Hàng Thủ công mỹ nghệ:

Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu gồm có: Hàng mây tre đan, nứa cuộn, sơn mài, tranh thêu trên vải, giấy vàng mã, thêu ren, dệt thảm, chiếu cói, làn cói... Đây là những mặt hàng đã được đầu tư nhân cấy nghề trong nhiều năm, có sẵn nguồn lao động dồi dào, đã được quy hoạch phát triển gắn với phát triển các cụm công nghiệp - làng nghề.

Giai đoạn từ nay đến 2020, cần tập trung chỉ đạo duy trì và phát triển các ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, trong đó tập trung vào khâu then chốt là giải quyết thị trường xuất khẩu ổn định, kết hợp với tổ chức sản xuất quy mô phù hợp, để có thể đáp ứng các đơn hàng lớn. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủ công mỹ nghệ đến năm 2020 phấn đấu đạt 22,7 triệu USD, đến năm 2030 đạt 56 triệu USD.

1.3. Nhóm hàng khoáng sản, VLXD

Nhóm hàng khoáng sản - VLXD được dự báo có tỷ trọng xuất khẩu ngày càng giảm trong tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Định hướng xuất khẩu nhóm hàng này đã được Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VXII xác định: "... giảm dần xuất khẩu nguyên liệu, khoáng sản và sản phẩm sơ chế". Đến nay, xuất khẩu nguyên liệu khoáng sản thô đã chấm dứt.

Mục tiêu xuất khẩu các mặt hàng khoáng sản - VLXD đến năm 2020 đạt 140 triệu USD, chiếm 7,37%; đến năm 2030 đạt 255,6 triệu US, chiếm 3,9% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Tăng trưởng xuất khẩu các nhóm hàng khoáng sản - VLXD giai đoạn 2013 - 2020 đạt 8,5%/năm, giai đoạn 2020 - 2030 đạt 6,2%/năm. Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu 3 mặt hàng chủ lực gồm: Xi măng, đá ốp lát và ferocrom.

a) Xi măng, clinker: Là mặt hàng cần được chủ động đẩy mạnh xuất khẩu do dự báo sản lượng xi măng sản xuất đã vượt xa nhu cầu tiêu thụ xi măng trong nước. Với 3 nhà máy xi măng lớn hiện nay, năng lực sản xuất xi măng của tỉnh đến năm 2015 ước đạt 13,55 triệu tấn.

Xuất khẩu xi măng đến năm 2020 phấn đấu đạt 64,6 triệu USD (tương đương 1,2 triệu tấn xi măng); đến năm 2030 đạt 100 triệu USD (tương đương 2 triệu tấn xi măng).

b) Đá ốp lát: Là mặt hàng truyền thống của tỉnh đã có thương hiệu. Tuy nhiên, do hạn chế khai thác nguồn tài nguyên, nên mục tiêu xuất khẩu đá ốp lát đến năm 2020 ổn định 27 triệu USD/năm; đến năm 2030 khoảng 30 triệu USD.

c) Ferocrom: Mục tiêu sản xuất Ferocrom đến năm 2015 đạt 100.000 tấn, năm 2020 đạt 250.000 tấn. Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu trên là hết sức khó khăn, do các nhà máy chế biến đầu tư giai đoạn 2006-2012 đều sử dụng công nghệ thấp. Việc quy hoạch bố trí nguồn nguyên liệu còn nhiều bất cập. Do đó, xuất khẩu Ferocrom đến năm 2020 chỉ đạt mục tiêu 35 triệu USD (25.000 – 30.000 tấn); đến năm 2030 đạt 100 triệu USD (75.000-80.000 tấn).

1.4. Dịch vụ thu ngoại tệ

Dịch vụ thu ngoại tệ toàn tỉnh đến năm 2020 phấn đấu đạt 190 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10%; đến năm 2030 đạt 680 triệu USD chiếm 10,5% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2013 - 2020 đạt 12,5%/năm; giai đoạn 2020 - 2030 đạt 13,6%/năm.

Định hướng các ngành dịch vụ chủ yếu như sau:

a) Xuất khẩu lao động: Số lượng lao động xuất khẩu ổn định mục tiêu 15.000 người/năm, doanh thu dịch vụ xuất khẩu đến năm 2020 đạt 75 triệu USD; đến năm 2030 đạt 100 triệu USD.

b) Du lịch: Du lịch tỉnh Thanh Hóa sẽ tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2015 với sự kiện tổ chức Năm du lịch quốc gia - Thanh Hóa 2015. Mục tiêu doanh thu ngoại tệ dịch vụ du lịch đến năm 2020 đạt 50 triệu USD; đến năm 2030 đạt 350 triệu USD. Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2013-2020 đạt 32,4%/năm; giai đoạn 2020 - 2030 đạt 21,5%/năm.

c) Bưu chính, viễn thông: Phấn đấu doanh thu từ dịch vụ bưu chính, viễn thông đạt 15 triệu USD vào năm 2020; đến năm 2030 đạt 80 triệu USD. Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2013 - 2020 đạt 26,9%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 18,22%/năm.

d) Ngân hàng: Từ năm 2014, doanh thu ngoại tệ từ dịch vụ ngân hàng có mức tăng trưởng nhanh do có dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và các dự án đầu tư trọng điểm khác. Mục tiêu doanh thu ngoại tệ từ dịch vụ ngân hàng đến năm 2020 đạt 20 triệu USD; đến năm 2030 đạt 70 triệu USD. Tăng trưởng bình quân thời kỳ 2013 - 2020 đạt 28,3%/năm, giai đoạn 2020-2030 đạt 13,4%/năm.

e) Dịch vụ vận tải biển, cảng biển: Mục tiêu doanh thu ngoại tệ vận tải biển, cảng biển quốc tế đến năm 2020 đạt 30 triệu USD; đến năm 2030 đạt 80 triệu USD. Tăng trưởng bình quân thời kỳ 2013-2020 đạt 62,6%/năm; giai đoạn 2020-2030 đạt 10,3%/năm.

2. Định hướng phát triển thị trường xuất khẩu

Tận dụng thời cơ mở rộng quan hệ đối ngoại của tỉnh, tích cực, chủ động trong việc duy trì và mở rộng thị phần tại các thị trường xuất khẩu hàng hoá truyền thống đã có, đồng thời phát triển thêm các thị trường mới.

2.1. Đối với Châu Á

Là thị trường có số lượng Hiệp định FTA Việt Nam tham gia nhiều nhất trong khuôn khổ hợp tác đa phương ASEAN với các đối tác. Do đó, dự báo thị phần xuất khẩu hàng hóa của tỉnh tại thị trường Châu Á tiếp tục tăng. Mặt hàng cần đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Châu Á gồm: Gỗ, thủ công mỹ nghệ, lâm sản, nông sản chế biến, thủy sản chế biến, hàng may mặc, giày thể thao, ferocrom, ô tô, hạt nhựa, hàng điện tử công nghệ cao... Phấn đấu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Châu Á đạt 622 triệu USD, chiếm 57,6% và đến năm 2020 đạt 993 triệu USD, chiếm 52,3% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

2.2. Đối với Châu Âu

Yếu tố tích cực tác động tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường Châu Âu là Hiệp định FTA Việt Nam - EU và Hiệp định FTA Việt Nam - Liên minh thuế quan Nga - Belarus đang đàm phán. Bên cạnh đó, còn có yếu tố ảnh hưởng chính là rào cản kỹ thuật khắt khe. Mặt hàng cần đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Châu Âu gồm: Đồ gỗ ngoại thất, nội thất, đá ốp lát, may mặc, giày thể thao, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, dụng cụ thể thao, hàng điện tử công nghệ; phần mềm... Phân đầu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Châu Âu đạt 190 triệu USD, chiếm 17,6% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh, đến năm 2020 đạt 356 triệu USD, chiếm 18,7% trên tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

2.3. Thị trường Châu Mỹ

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương dự kiến ký kết trong năm 2014, tạo thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của tỉnh vào thị trường Châu Mỹ. Vì vậy, cần tranh thủ cộng đồng người Việt Nam tại Mỹ và Canada để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Châu Mỹ, với các mặt hàng gồm: Đồ gỗ, đá ốp lát, may mặc, giày thể thao, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng điện tử công nghệ; phần mềm... Phân đầu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Châu Mỹ đạt 234 triệu USD, chiếm 21,7% và đến năm 2020 đạt 479 triệu USD, chiếm 25,2% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

2.4. Thị trường Châu Đại Dương

Trọng tâm là thị trường Australia và New Zealand trong khuôn khổ Hiệp định AANZFTA và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Hàng hóa của Thanh Hóa đã bắt đầu xuất khẩu sang thị trường này từ năm 2010 và được duy trì liên tục đến nay. Mặc dù đây là thị trường có dân số không lớn, nhưng với mức sống cao, đa sắc tộc nên vẫn là thị trường tiềm năng đối với các mặt hàng: Đồ gỗ ngoại thất, nội thất, đá ốp lát, giày dép, hàng may mặc... Phân đầu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Châu Đại Dương đạt 19 triệu USD, chiếm 1,8% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh và đến năm 2020 đạt 40 triệu USD, chiếm 2,1% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

2.5. Thị trường châu Phi

Là thị trường hoàn toàn mới đối với hàng hóa của tỉnh. Đây là thị trường gồm có 54 quốc gia, sản xuất hàng hóa còn ở trình độ thấp, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa lớn, không yêu cầu sản phẩm cao cấp, rào cản kỹ thuật chưa cao... cần có chính sách xúc tiến mở rộng xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Châu Phi. Trọng tâm là các mặt hàng: May mặc, dược phẩm, tân dược, ô tô, hàng điện tử... Phân đầu đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này đạt 15 triệu USD, chiếm 1,39%; đến năm 2020 đạt 32 triệu USD, chiếm 1,68% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

3. Định hướng doanh nghiệp xuất khẩu

Tăng trưởng xuất khẩu đến năm 2020 tiếp tục dựa trên tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI làm chủ lực; trong đó giai đoạn từ nay đến năm

2016 chủ yếu là tăng trưởng dựa vào các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực may mặc, giày thể thao, xi măng, balô túi xách. Sau năm 2017 có thêm các doanh nghiệp FDI lĩnh vực điện tử công nghệ cao, sản phẩm sau hóa lọc dầu (nhựa PP, lưu huỳnh...). Bên cạnh đó, tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh đóng vai trò quan trọng với các sản phẩm: Thủ công mỹ nghệ, gỗ, ferocrom, xi măng, hàng may mặc, sữa, súc sản.... Dự báo tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tiếp tục giảm.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường thu hút đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu hàng xuất khẩu

- Rà soát, bổ sung và triển khai thực hiện hiệu quả các quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu, các đề án sản xuất hàng xuất khẩu. Tập trung vào quy hoạch các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản gắn với quy hoạch các cơ sở chế biến. Các dự án đầu tư chế biến phải được quy hoạch vùng nguyên liệu, phù hợp với công suất nhà máy. Đánh giá lại vùng nguyên liệu khoáng sản crome, quặng sắt, chì, kẽm... để tiếp tục có định hướng bố trí lại sản xuất cho phù hợp. Khẩn trương xây dựng quy hoạch các cơ sở chế biến lâm sản đến năm 2020, trình UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2014. Tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện hình thành mối liên kết chuỗi giữa sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến xuất khẩu.

- Tận dụng thời cơ mở rộng hoạt động đối ngoại của tỉnh và sức lan tỏa các dự án công nghiệp, giao thông trọng điểm để tăng cường xúc tiến đầu tư, huy động mọi nguồn lực cho các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu. Tổng nguồn vốn xã hội kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất hàng xuất khẩu giai đoạn 2013-2020 là 218.132 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng vốn FDI chiếm 97,8%, còn lại 2,2% là vốn đầu tư trong nước.

- Triển khai rà soát đánh giá toàn bộ công nghệ sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học đổi mới công nghệ cho từng loại sản phẩm, doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, năng suất hàng xuất khẩu.

2. Đổi mới công tác xúc tiến, mở rộng thị trường xuất khẩu

- Xây dựng chiến lược xúc tiến thương mại đối với từng mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh theo hướng xác định cụ thể khách hàng tiềm năng của từng mặt hàng để tiếp cận trực tiếp. Phân đấu đưa hàng hóa xuất khẩu của tỉnh tham gia trực tiếp, ổn định vào chuỗi kinh doanh của các nhà phân phối toàn cầu.

- Rà soát tình hình ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu. Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết nối mạng lưới thông tin điện tử trực tiếp từ cơ quan quản lý nhà nước đến các doanh nghiệp xuất khẩu. Tiếp tục khai thác hiệu quả cổng thông tin điện tử doanh nghiệp Thanh Hóa.

- Tăng cường công tác định hướng thông tin thị trường cho các doanh nghiệp xuất khẩu; chú trọng khai thác nguồn thông tin trực tiếp từ các thương vụ để phục

vụ công tác dự báo. Tranh thủ sự hỗ trợ từ của các bộ, ngành Trung ương để tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia Chương trình Xúc tiến Thương mại Quốc gia.

- Khẩn trương xây dựng Chương trình thương hiệu hàng hóa xuất khẩu của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xúc tiến thành lập cơ quan đại diện tỉnh Thanh Hóa tại các thành phố lớn, các thị trường trọng điểm hoặc hỗ trợ doanh nghiệp, hiệp hội thành lập văn phòng đại diện tại các thành phố lớn ở nước ngoài.

3. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ các chính sách hỗ trợ xuất khẩu

Sửa đổi bổ sung Chính sách khuyến khích sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu được ban hành theo Quyết định 2545/2009/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND tỉnh theo những qui định WTO cho phép. Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu thị trường mới, mặt hàng mới, hỗ trợ một phần lãi suất đầu tư trang bị tài sản cố định, đổi mới công nghệ, xây lắp nhà xưởng, nhập khẩu máy móc, thiết bị tiên tiến để sản xuất hàng xuất khẩu. Bổ sung hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trong thiết kế bao bì mẫu mã sản phẩm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới, đăng ký thương hiệu, ứng dụng tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị kinh doanh,... Tiếp tục hỗ trợ mạnh cho các doanh nghiệp xuất khẩu đầu môi, làm đầu tàu trong liên kết các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp và các hộ gia đình tham gia sản xuất hàng xuất khẩu. Song song với mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, chú ý khuyến khích hỗ trợ những doanh nghiệp mới lần đầu tham gia xuất khẩu.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng trong hoạt động xuất nhập khẩu

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thương mại quốc tế và chính sách xuất nhập khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu. Tập trung vào thủ tục về đất đai, xây dựng, hải quan, thuế, cấp xuất xứ hàng hóa,...

- Xúc tiến thành lập bộ phận đầu mối hướng dẫn thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hóa – Bộ Công Thương (địa điểm đặt tại trụ sở Sở Công Thương), có trách nhiệm giới thiệu về thủ tục, địa chỉ và danh sách cán bộ các cơ quan chức năng có trách nhiệm giải quyết thủ tục xuất nhập khẩu, phối hợp với các cơ quan chức năng hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu. Cử cán bộ bám sát các doanh nghiệp mới tham gia xuất nhập khẩu để hướng dẫn thủ tục xuất khẩu ngay từ những lô hàng xuất khẩu đầu tiên.

- Xúc tiến thành lập Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, hoàn thiện bộ máy các cơ quan chức năng và hạ tầng cơ sở Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, làm đầu mối thông thương hàng hóa xuất nhập khẩu với các tỉnh Đông Bắc Lào và các nước trong khu vực ASEAN.

- Nghiên cứu mô hình Hàn Quốc, có cơ chế, chính sách cử cán bộ quản lý nhà nước biệt phái ngắn hạn tại các doanh nghiệp khi có nhu cầu, nhằm hỗ trợ trực tiếp giúp doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính hiệu quả nhất.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường nội tỉnh, đảm bảo hàng hóa nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu được lưu thông thuận tiện, ngăn ngừa hiện tượng dựa vào thế độc quyền để tranh mua, tranh bán, ép giá, ép cấp khi thu mua nguyên liệu.

5. Tăng cường liên kết và nâng cao năng lực doanh nghiệp xuất khẩu

- Thành lập và củng cố hoạt động các hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu gồm: Hiệp hội khai thác và chế biến khoáng sản xuất khẩu, Hiệp hội xuất khẩu nông sản, Hiệp hội xuất khẩu hàng dệt may, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ... Phát huy, nâng cao vai trò của các hiệp hội trong liên kết, tương trợ, chia sẻ đơn hàng xuất khẩu. Khắc phục tình trạng doanh nghiệp không ký được đơn hàng, không đảm bảo việc làm cho người lao động do không đủ năng lực đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu số lượng lớn.

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh làm đầu mối xúc tiến các hiệp hội ngành hàng xuất khẩu liên kết với các hiệp hội toàn quốc, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp của tỉnh tham gia Chương trình Xúc tiến Thương mại trọng điểm Quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Văn phòng thông báo, hỏi đáp về tiêu chuẩn chất lượng Thanh Hóa (Văn phòng TBT); tăng cường tuyên truyền Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (WTO agreement on technical barriers to trade), để giúp doanh nghiệp có chiến lược, kế hoạch vượt qua rào cản kỹ thuật trong xuất khẩu hàng hóa. Chủ động rà soát, phân loại, lựa chọn các mặt hàng xuất khẩu bị ảnh hưởng, chịu tác động lớn của rào cản kỹ thuật như: hàng nông sản, thủy sản, lâm sản chế biến, hàng điện tử... để khuyến cáo doanh nghiệp có kế hoạch chủ động ứng phó.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xuất nhập khẩu

- Tăng cường công tác tuyên truyền về đào tạo nghề phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Rà soát, đánh giá lại nhu cầu đào tạo các ngành nghề sản xuất hàng xuất khẩu để củng cố hệ thống các trường đào tạo nghề trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đào tạo nghề theo hướng ưu tiên, khuyến khích các nhà đầu tư, đào tạo nghề quốc tế tham gia đầu tư đào tạo nghề trên địa bàn; đồng thời khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo nghề.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề hiện có, đặc biệt là đào tạo nghề nông thôn.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm công tác quản lý về xuất nhập khẩu trong các cơ quan nhà nước (thuế, hải quan, công thương...). Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh kết nghĩa Seongnam (Hàn Quốc) để hàng năm cử cán bộ đi đào tạo về công tác xuất nhập khẩu tại Hàn Quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chương trình Xuất khẩu

Kiện toàn tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các ngành thành viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và giao trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo hoạt động xuất khẩu trên địa bàn, thực hiện thắng lợi mục tiêu Chương trình xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Sở Công Thương

- Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Xuất khẩu tỉnh; có trách nhiệm tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Chương trình xuất khẩu tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu theo Thông tư Liên tịch số 07/2008/TTLT-BCT-BNV của liên Bộ Công Thương - Bộ Nội vụ.

3. Các ngành thành viên Ban chỉ đạo Chương trình xuất khẩu tỉnh

Các sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình Xuất khẩu tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và nhiệm vụ Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình xuất khẩu phân công, chịu trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thường xuyên báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công về Ban chỉ đạo (qua cơ quan Thường trực) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn

Chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu tại KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu qua cảng Nghi Sơn.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

- Đẩy mạnh công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào các dự án sản xuất hàng xuất khẩu.

- Xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm, chú trọng kế hoạch xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, các thị trường trọng điểm xuất khẩu.

6. Sở Nội vụ

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thành lập Văn phòng đại diện tỉnh Thanh Hóa tại các thị trường trọng điểm, các thành phố kết nghĩa của các nước.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của tỉnh.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến hàng xuất khẩu trên địa bàn, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu trên địa bàn.

8. Các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu

- Tăng cường liên kết, chia sẻ giữa các doanh nghiệp, hội viên trong Hiệp hội về sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu hàng hóa xuất khẩu.

- Phối hợp với Sở Công Thương đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển hàng hóa xuất khẩu; tuyên truyền, phổ biến các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế chính sách phát triển hàng xuất khẩu của tỉnh cho cộng đồng các doanh nghiệp.

- Chủ động xây dựng định hướng phát triển thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; thường xuyên phản ánh thông tin về thị trường, nhất là những rào cản thương mại trong khu vực và thế giới cho doanh nghiệp và người sản xuất để chủ động trong sản xuất kinh doanh, giảm thiểu thiệt hại.

- Chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh, chú trọng đổi mới trang thiết bị công nghệ để nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu, ứng dụng thương mại điện tử để tiết giảm chi phí, khai thác hiệu quả thông tin.

- Nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin và thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp và các sản phẩm có thể mạnh ra thị trường nước ngoài, chú trọng công tác vận hành, duy trì hoạt động trên các sàn giao dịch thương mại điện tử đã được xây dựng để phát huy hiệu quả.

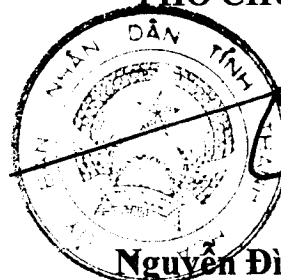
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xuất khẩu tỉnh và các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch các Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (VA26965).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng